

Số: /KL-TTH

Bác Ái, ngày tháng năm 2022

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách Nhà nước và các nguồn thu ngoài ngân sách tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân.

Thực hiện Quyết định số 26/QĐ-TTH, ngày 23/3/2022 của Chánh Thanh tra huyện về việc thành lập Đoàn thanh tra quá trình quản lý, sử dụng tài chính ngân sách Nhà nước và các nguồn thu ngoài ngân sách tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân;

Trên cơ sở báo cáo kết quả thanh tra số 24/BC-ĐTTr, ngày 01/8/2022 của Đoàn thanh tra; Chánh Thanh tra huyện kết luận như sau:

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

Phước Tân là một trong chín đơn vị hành chính cấp xã, thuộc huyện Bác Ái, có tổng diện tích là 6.534,91 ha, được chia thành ba thôn Ma Ty, Ma Lâm, Đá Trắng. Kinh tế chủ yếu tập trung vào sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo chiếm 42,13% trên tổng số hộ tại xã. Xã Phước Tân có 42 cán bộ, công chức, người lao động hoạt động trong các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận đoàn thể và tại các thôn, đa số đều có trình độ, chuyên môn phù hợp với từng vị trí công tác.

Trong những năm qua, nguồn kinh phí hoạt động của các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận đoàn thể của xã chủ yếu do nguồn ngân sách Nhà nước cấp, các nguồn thu ngoài ngân sách hầu như không có; công tác lập, phân bổ dự toán, quyết toán được xây dựng trên cơ sở chế độ, tiêu chuẩn định mức các mục tiêu nhiệm vụ cho việc phát triển kinh tế xã hội phù hợp với nguồn thu của ngân sách địa phương.

#### II. KẾT QUẢ THANH TRA.

##### 1. Về thu ngân sách.

Trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2021), Ủy ban nhân dân xã Phước Tân có tổng thu số tiền 32.061.373.716 đồng, trong đó: thu từ ngân sách cấp, số tiền 31.948.672.228 đồng; thu từ thuế, phí, lệ phí, số tiền 112.701.488 đồng, từng năm như sau:

1.1. Thu năm 2018, số tiền: 7.902.837.592 đồng, trong đó:

- Thu từ ngân sách cấp: 7.894.728.592 đồng, trong đó:

+ Ngân sách cấp trong năm: 7.793.538.491 đồng;

+ Kết dư, chuyển nguồn từ năm trước qua: 101.190.101 đồng;

- Thu từ thuế, phí, lệ phí: 8.109.000 đồng.

Theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND, ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2018 trên địa bàn huyện; theo đó giao Ủy ban nhân dân xã Phước Tân thu thuế, phí, lệ phí trên địa bàn xã số tiền 9.162.500 đồng. Kết quả, trong năm 2018, Ủy ban nhân dân xã thu được số tiền 8.109.000 đồng, đạt tỷ lệ 88,5% chỉ tiêu thu thuế, phí, lệ phí mà Ủy ban nhân dân huyện giao.

1.2. Thu năm 2019, số tiền: 8.033.328.416 đồng, trong đó:

- Thu từ ngân sách cấp: 8.025.355.356 đồng, trong đó:

+ *Ngân sách cấp trong năm: 7.697.927.917 đồng;*

+ *Kết dư, chuyển nguồn từ năm trước qua: 327.427.439 đồng;*

- Thu từ thuế, phí, lệ phí: 7.973.060 đồng.

Theo Quyết định số 2101/QĐ-UBND, ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2019 trên địa bàn huyện; theo đó giao Ủy ban nhân dân xã Phước Tân thu thuế, phí, lệ phí trên địa bàn xã số tiền 15.250.000 đồng. Kết quả, trong năm 2019, Ủy ban nhân dân xã thu được số tiền 7.973.060 đồng, đạt tỷ lệ 52,3% chỉ tiêu thu thuế, phí, lệ phí mà Ủy ban nhân dân huyện giao.

1.3. Thu năm 2020, số tiền: 11.139.243.550 đồng, trong đó:

- Thu từ ngân sách cấp: 11.104.548.222 đồng, trong đó:

+ *Ngân sách cấp trong năm: 10.842.677.993 đồng;*

+ *Chuyển nguồn từ năm trước qua: 261.870.229 đồng;*

- Thu từ thuế, phí, lệ phí: 34.695.328 đồng.

Theo Quyết định số 2288/QĐ-UBND, ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2020 trên địa bàn huyện; theo đó giao Ủy ban nhân dân xã Phước Tân thu số tiền 15.000.000 đồng. Kết quả, trong năm 2020, Ủy ban nhân dân xã thu được số tiền 34.695.328 đồng, đạt tỷ lệ 231,3% chỉ tiêu mà Ủy ban nhân dân huyện giao.

1.4. Thu năm 2021, số tiền: 4.985.964.158 đồng, trong đó:

- Thu từ ngân sách cấp: 4.924.040.058 đồng, trong đó:

+ *Ngân sách cấp trong năm: 4.606.245.720 đồng;*

+ *Chuyển nguồn từ năm trước qua: 317.794.338 đồng;*

- Thu từ thuế, phí, lệ phí: 61.924.100 đồng.

Theo Quyết định số 1838/QĐ-UBND, ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021 trên địa bàn huyện; theo đó giao Ủy ban nhân dân xã Phước Tân thu số tiền 19.500.000 đồng. Kết quả, năm 2021, Ủy ban nhân dân xã thu được số tiền 61.924.100 đồng, đạt tỷ lệ 317,6% chỉ tiêu mà Ủy ban nhân dân huyện giao.

## 2. Công khai dự toán, quyết toán ngân sách:

2.1. Năm 2018, ban hành quyết định số 84/QĐ-UBND, ngày 24/6/2019 về công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2018; Quyết định số 198/QĐ-UBND, ngày 29/12/2017 về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018;

2.2. Năm 2019, ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND, ngày 23/6/2020 về công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019; Quyết định số 213/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019;

2.3. Năm 2020, ban hành Quyết định số 100a/QĐ-UBND, ngày 16/8/2021 về công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020; Quyết định số 104/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020;

2.4. Năm 2021, ban hành Quyết định số 171/QĐ-UBND, ngày 24/12/2020 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021; chưa ban hành quyết định công khai quyết toán ngân sách năm 2021, lý do quyết toán ngân sách năm 2021 chưa được Hội đồng nhân dân xã phê duyệt.

## 3. Về chi ngân sách.

Kết quả chi ngân sách các năm; từng mục, tiểu mục theo chi tiết sau:

Mục	Tiểu mục	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng cộng
<b>0950</b>		<b>0</b>	<b>34.718.587</b>	<b>123.821.301</b>	<b>392.387.060</b>	<b>550.926.948</b>
	0951	0	34.718.587	123.821.301	392.387.060	550.926.948
<b>6000</b>		<b>791.729.600</b>	<b>844.992.742</b>	<b>959.837.305</b>	<b>991.371.498</b>	<b>3.587.913.145</b>
	6001	772.684.400	841.712.342	959.837.305	991.371.498	3.565.605.545
	6003	19.045.200	3.280.400	0	0	22.325.600
<b>6050</b>		<b>199.818.000</b>	<b>184.105.800</b>	<b>176.922.601</b>	<b>158.506.200</b>	<b>719.352.601</b>
	6051	199.818.000	184.105.800	176.922.601	0	560.846.401
	6099	0	0	0	158.506.200	158.506.200
<b>6100</b>		<b>875.624.866</b>	<b>858.779.939</b>	<b>936.083.887</b>	<b>859.547.252</b>	<b>3.530.035.944</b>
	6101	20.814.000	27.248.218	30.023.496	31.290.000	109.375.714
	6102	76.172.000	74.304.000	78.672.000	77.778.000	306.926.000
	6103	210.209.580	129.017.840	98.469.630	31.164.840	468.861.890
	6111	121.050.000	124.416.000	124.713.000	126.203.000	496.382.000
	6113	1.614.000	1.728.000	1.788.000	1.788.000	6.918.000
	6115	0	13.517.833	13.987.209	16.076.877	43.581.919
	6121	150.690.000	190.449.000	278.557.000	260.601.000	880.297.000
	6122	21.118.260	11.028.260	0	0	32.146.520
	6124	248.329.100	263.237.300	290.645.400	295.291.925	1.097.503.725
	6149	25.627.926	23.833.488	19.228.152	19.353.610	88.043.176
<b>6200</b>		<b>29.785.000</b>	<b>37.569.000</b>	<b>40.467.000</b>	<b>21.920.000</b>	<b>129.741.000</b>
	6201	25.085.000	32.439.000	34.287.000	17.670.000	109.481.000
	6202	/0	0	0	950.000	950.000
	6249	4.700.000	5.130.000	6.180.000	3.300.000	19.310.000
<b>6250</b>		<b>31.320.000</b>	<b>44.555.000</b>	<b>34.040.000</b>	<b>21.670.000</b>	<b>131.585.000</b>
	6299	31.320.000	44.555.000	34.040.000	21.670.000	131.585.000
<b>6300</b>		<b>259.140.565</b>	<b>269.677.029</b>	<b>293.388.511</b>	<b>297.386.203</b>	<b>1.119.592.308</b>
	6301	206.538.085	209.786.044	227.677.272	230.836.909	874.838.310
	6302	30.370.848	31.673.127	34.877.448	35.435.031	132.356.454

	6303	20.233.452	21.124.592	23.251.632	23.623.354	88.233.030
	6304	1.998.180	1.841.078	1.769.226	1.585.062	7.193.546
	6349	0	5.252.188	5.812.933	5.905.847	16.970.968
<b>6350</b>		<b>652.447.200</b>	<b>701.803.000</b>	<b>489.912.000</b>	<b>369.222.000</b>	<b>2.213.384.200</b>
	6353	357.085.200	390.763.000	278.928.000	278.928.000	1.305.704.200
	6399	295.362.000	311.040.000	210.984.000	90.294.000	907.680.000
<b>6400</b>		<b>12.250.000</b>	<b>73.500.000</b>	<b>134.969.228</b>	<b>20.000.000</b>	<b>240.719.228</b>
	6404	0	50.000.000	73.000.000	20.000.000	143.000.000
	6449	12.250.000	23.500.000	61.969.228	0	97.719.228
<b>6500</b>		<b>20.558.422</b>	<b>18.409.455</b>	<b>27.936.633</b>	<b>39.704.708</b>	<b>106.609.218</b>
	6501	15.436.822	15.388.755	17.795.933	17.990.508	66.612.018
	6502	5.121.600	3.020.700	10.140.700	4.714.200	22.997.200
	6549	0	0	0	17.000.000	17.000.000
<b>6550</b>		<b>105.979.00/1</b>	<b>158.716.000</b>	<b>121.436.442</b>	<b>63.585.000</b>	<b>449.716.443</b>
	6551	52.753.000	77.006.000	55.991.700	44.295.000	230.045.700
	6552	21.550.000	39.506.000	26.823.742	1.045.000	88.924.742
	6599	31.676.001	42.204.000	38.621.000	18.245.000	130.746.001
<b>6600</b>		<b>21.372.976</b>	<b>18.169.180</b>	<b>16.359.508</b>	<b>25.916.479</b>	<b>81.818.143</b>
	6601	11.487.096	10.642.897	6.236.390	9.533.015	37.899.398
	6603	1.082.343	2.797.866	2.196.235	2.897.094	8.973.538
	6605	7.953.537	4.728.417	7.926.883	8.436.370	29.045.207
	6606	850.000	0	0	5.050.000	5.900.000
<b>6650</b>		<b>37.725.000</b>	<b>37.742.000</b>	<b>36.300.000</b>	<b>35.846.000</b>	<b>147.613.000</b>
	6651	1.620.000	1.065.000	1.600.000	1.211.000	5.496.000
	6652	1.250.000	0	2.400.000	0	3.650.000
	6653	600.000	900.000	900.000	300.000	2.700.000
	6658	18.880.000	24.100.000	19.120.000	20.160.000	82.260.000
	6699	15.375.000	11.677.000	12.280.000	14.175.000	53.507.000
<b>6700</b>		<b>42.381.000</b>	<b>28.184.000</b>	<b>26.040.000</b>	<b>21.506.800</b>	<b>118.111.800</b>
	6701	25.561.000	12.444.000	10.440.000	4.706.800	53.151.800
	6702	2.120.000	140.000	0	0	2.260.000
	6703	300.000	0	0	0	300.000
	6704	14.400.000	15.600.000	15.600.000	16.800.000	32.400.000
<b>6750</b>		<b>38.422.000</b>	<b>23.350.000</b>	<b>28.284.000</b>	<b>15.161.600</b>	<b>105.217.600</b>
	6757	8.400.000	8.400.000	8.400.000	12.000.000	37.200.000
	6758	30.022.000	14.950.000	19.884.000	3.161.600	68.017.600
<b>6900</b>		<b>511.304.788</b>	<b>1.058.896.162</b>	<b>1.086.828.764</b>	<b>364.036.706</b>	<b>3.021.066.420</b>
	6905	0	2.547.400	0	0	2.547.400
	6912	30.512.000	55.766.400	45.585.800	29.459.000	161.323.200
	6913	12.000.000	14.400.000	15.800.000	6.800.000	49.000.000
	6921	1.500.000	18.862.000	4.900.000	0	25.262.000
	6922	0	0	99.977.000	279.341.452	379.318.452
	6923	0	0	400.000.000	0	400.000.000
	6949	467.292.788	967.320.362	520.565.964	48.436.254	2.003.615.368
<b>6950</b>		<b>88.800.000</b>	<b>68.740.000</b>	<b>36.680.000</b>	<b>105.684.000</b>	<b>299.904.000</b>
	6954	88.800.000	40.000.000	36.680.000	32.823.000	198.303.000
	6955	0	0	0	58.011.000	58.011.000
	6999	0	28.740.000	0	14.850.000	43.590.000
<b>7000</b>		<b>130.097.000</b>	<b>228.910.380</b>	<b>227.462.000</b>	<b>212.146.200</b>	<b>798.615.580</b>
	7001	36.856.000	42.648.800	26.086.000	25.713.000	131.303.800
	7004	0	0	0	21.307.000	21.307.000
	7012	1.750.000	1.085.000	0	0	2.835.000
	7049	91.491.000	185.176.580	201.376.000	165.126.200	643.169.780
<b>7050</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>16.500.000</b>	<b>16.500.000</b>

	7053	0	0	0	16.500.000	16.500.000
<b>7100</b>		<b>2.132.837.100</b>	<b>536.512.000</b>	<b>2.439.223.000</b>	<b>0</b>	<b>5.108.572.100</b>
	7149	1.772.837.100	536.512.000	2.439.223.000	0	4.748.572.100
	7161	360.000.000	0	0	0	360.000.000
<b>7700</b>		<b>239.382.900</b>	<b>239.382.900</b>	<b>0</b>	<b>35.747.808</b>	<b>514.513.608</b>
	7701	239.382.900	239.382.900	0	35.747.808	514.513.608
<b>7750</b>		<b>70.571.800</b>	<b>72.765.600</b>	<b>81.472.400</b>	<b>294.269.200</b>	<b>519.079.000</b>
	7753	0	0	0	216.784.000	216.784.000
	7756	1.471.800	1.480.600	1.320.400	1.465.200	5.738.000
	7799	69.100.000	71.285.000	80.152.000	76.020.000	296.557.000
<b>7850</b>		<b>3.387.400</b>	<b>15.198.000</b>	<b>131.034.100</b>	<b>178.787.516</b>	<b>328.407.016</b>
	7851	3.166.400	0	0	0	3.166.400
	7852	0	15.198.000	116.558.100	0	131.756.100
	7853	0	0	0	7.512.000	7.512.000
	7854	0	0	0	171.275.516	171.275.516
	7899	221.000	0	14.476.000	0	14.697.000
<b>7900</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>275.260.000</b>	<b>275.260.000</b>
	7901	0	0	0	275.260.000	275.260.000
<b>8000</b>		<b>19.858.435</b>	<b>71.500.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>91.358.435</b>
	8006	19.858.435	71.500.000	0	0	91.358.435
<b>9300</b>		<b>1.435.574.028</b>	<b>2.090.550.550</b>	<b>3.438.556.583</b>	<b>0</b>	<b>6.964.681.161</b>
	9301	1.435.574.028	2.090.550.550	3.438.556.583	0	6.964.681.161
<b>9400</b>		<b>64.425.972</b>	<b>89.449.450</b>	<b>78.963.058</b>	<b>56.013.780</b>	<b>288.852.260</b>
	9401	49.714.178	45.810.371	39.036.538	0	134.561.087
	9449	14.711.794	43.639.079	39.926.520	56.013.780	154.291.173
<b>Cộng các mục</b>		<b>7.814.793.053</b>	<b>7.806.176.774</b>	<b>10.966.018.321</b>	<b>4.872.176.010</b>	<b>31.459.164.158</b>

#### 4. Kết quả kiểm tra nội dung chi, chứng từ thu, chi ngân sách.

4.1. Về chi lương, các khoản theo lương; chi cho các hoạt động khác của xã; chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; chi đầu tư phát triển. Các nội dung chi, chứng từ kế toán về cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật.

4.2. Về chi của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Phước Tân.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Phước Tân được thành lập để thực hiện các công trình đầu tư phát triển trên địa bàn xã. Hàng năm được trích nguồn kinh phí từ các công trình để phục vụ cho hoạt động của Ban theo quy định của pháp luật.

a) Số tiền mà Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã được sử dụng trong bốn năm (từ năm 2018 đến năm 2021) là 288.852.260 đồng. Kết quả trong bốn năm, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã đã chi số tiền 288.852.260 đồng, chi tiết như sau:

Mục, tiểu mục	Số tiền được sử dụng của Ban quản lý				
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Cộng
<b>Mục 9400</b>	<b>64.425.972</b>	<b>89.449.450</b>	<b>78.963.058</b>	<b>56.013.780</b>	<b>288.852.260</b>
<i>Tiểu mục 9401</i>	<i>49.714.178</i>	<i>45.810.371</i>	<i>39.036.538</i>	<i>0</i>	<i>134.561.087</i>
<i>Tiểu mục 9449</i>	<i>14.711.794</i>	<i>43.639.079</i>	<i>39.926.520</i>	<i>56.013.780</i>	<i>154.291.173</i>

b) Kết quả kiểm tra các chứng từ chi, nội dung chi.

b1) Về chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên của Ban quản lý dự án của xã năm 2018.

\* Năm 2018, Ủy ban nhân dân xã Phước Tân ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 08/01/2018 về việc điều chỉnh Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Phước Tân; Quyết định gồm ba (03) người, ông Pinăng Ngọc, Chủ tịch UBND xã - Trưởng ban; bà Trần Thị Hồng Anh, kế toán UBND xã - thành viên; ông Lê Viết Thảo, cán bộ 30a - thành viên.

- Ngày 23/11/2018, Ban quản lý dự án của xã lập chứng từ chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm tháng 1, 4, 6, 7, 8/2018 với số tiền 29.498.050 đồng, trong đó có chi cho ông Võ Đức Trọng, số tiền 1.855.650 đồng.

- Ngày 12/12/2018, Ban quản lý dự án của xã lập chứng từ chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm tháng 9, 10, 11, 12/2018 với số tiền 26.632.400 đồng, trong đó có chi cho ông Võ Đức Trọng, số tiền 1.855.650 đồng.

Ông Võ Đức Trọng không có tên trong quyết định điều chỉnh lại Ban quản lý dự án theo quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã, do đó không được chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm cho ông Võ Đức Trọng. Như vậy, Chi sai số tiền 3.711.300 đồng.

b2) Về chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên của Ban quản lý dự án của xã năm 2019.

Năm 2019, Ủy ban nhân dân xã Phước Tân ban hành quyết định số 15/QĐ-UBND, ngày 25/01/2019 v/v điều chỉnh Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Phước Tân; Quyết định gồm ba (03) người, ông Pinăng Ngọc, Chủ tịch UBND xã - Trưởng ban; bà Trần Thị Hồng Anh, kế toán UBND xã - thành viên; ông Võ Đức Trọng, công chức địa chính xã - thành viên.

Ngày 21/6/2019, Ban quản lý dự án của xã lập chứng từ chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm tháng 6/2019 với số tiền 6.658.100 đồng, trong đó có chi cho ông Lê Viết Thảo, số tiền 1.855.650 đồng. Ông Lê Viết Thảo không có tên trong quyết định điều chỉnh lại Ban quản lý dự án theo quyết định số 15/QĐ-UBND, ngày 25/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã, do đó không được chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm cho ông Lê Viết Thảo. Như vậy, chi sai số tiền 1.855.650 đồng.

Hiện ông Lê Viết Thảo đã nghỉ việc từ cuối năm 2019, hiện nay không xác định được ông Lê Viết Thảo đang sinh sống, làm việc ở đâu; việc chi tiền cho ông Lê Viết Thảo là chi thật, tiền được chuyển vào tài khoản ngân hàng nông nghiệp của ông Lê Viết Thảo.

b3) Về chi tiền mua văn phòng phẩm.

Ngày 12/12/2018, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã lập chứng từ chi tiền mua văn phòng phẩm và sửa chữa máy vi tính, số tiền 13.635.000 đồng; trong đó chi mua 16 thùng giấy A4 (80 ram) với số tiền 6.000.000 đồng. Đoàn thanh tra tổng hợp các chứng từ mua giấy A4 trong các năm như sau: Năm 2018

mua và sử dụng 23 thùng (115 ram) giấy A4; năm 2019 mua và sử dụng 20 ram giấy A4; năm 2020 mua và sử dụng 17 ram giấy A4. Trong năm 2018, Ban quản lý dự án đầu tư xã thực hiện hai (02) công trình đầu tư phát triển (tương đương hoặc ít hơn các năm khác), nhưng chỉ mua một lượng giấy A4 là không phù hợp, không chứng minh được việc dùng giấy A4 vào mục đích gì. Việc Ban quản lý lập chứng từ chi tiền mua 16 thùng giấy A4 (80 ram), số tiền 6.000.000 đồng là không đúng quy định, vượt định mức được chi.

### **III. KẾT LUẬN.**

Trên cơ sở kết quả thanh tra, đối chiếu các quy định của pháp luật, Chánh Thanh tra huyện kết luận công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân như sau:

#### **1. Về thu ngân sách.**

Ủy ban nhân dân xã Phước Tân đã thực hiện việc thu thuế, phí, lệ phí trên địa bàn xã theo đúng quy định, việc thu được hạch toán và nộp vào ngân sách; việc thu thuế, phí, lệ phí có những năm (năm 2020, năm 2021) vượt kế hoạch so với chỉ tiêu giao, có năm đạt 317,6% so với kế hoạch huyện giao; đạt được kết quả trên là nhờ có sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã trong việc thu thuế, phí, lệ phí. Tuy nhiên, việc thu thuế, phí, lệ phí một số năm (năm 2018, năm 2019) chưa hoàn thành chỉ tiêu huyện giao, có năm (2019) việc thu thuế, phí, lệ phí chỉ đạt 52,3% chỉ tiêu huyện giao.

#### **2. Về công khai dự toán, quyết toán ngân sách.**

Việc công bố công khai dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm được Ủy ban nhân dân xã Phước Tân thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

#### **3. Các nội dung chi, chứng từ kế toán.**

3.1. Về cơ bản các nội dung chi, như: chi lương, các khoản theo lương; chi cho các hoạt động khác của xã; chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; chi đầu tư phát triển phù hợp với quy định của pháp luật. Chứng từ kế toán được lập theo đúng quy định.

#### **3.2. Về chi của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Phước Tân.**

##### **a) Về chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm:**

- Ngày 23/11/2018, Ban quản lý dự án của xã lập chứng từ chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm tháng 1, 4, 6, 7, 8/2018, với số tiền 29.498.050 đồng, trong đó có chi cho ông Võ Đức Trọng, số tiền 1.855.650 đồng; ngày 12/12/2018, Ban quản lý dự án của xã lập chứng từ chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm tháng 9, 10, 11, 12/2018, với số tiền 26.632.400 đồng, trong đó có chi cho ông Võ Đức Trọng, số tiền 1.855.650 đồng.

Việc chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm cho ông Võ Đức Trọng là không đúng quy định, do ông Võ Đức Trọng không có tên trong quyết định điều chỉnh lại

Ban quản lý dự án theo quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã. Chi sai số tiền 3.711.300 đồng.

- Ngày 21/6/2019, Ban quản lý dự án của xã lập chứng từ chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm tháng 6/2019 với số tiền 6.658.100 đồng, trong đó chi cho ông Lê Viết Thảo, số tiền 1.855.650 đồng. Việc chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm cho ông Lê Viết Thảo là không đúng quy định, do ông Lê Viết Thảo không có tên trong quyết định điều chỉnh lại Ban quản lý dự án theo quyết định số 15/QĐ-UBND, ngày 25/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã. Chi sai số tiền 1.855.650 đồng. Tuy nhiên, hiện nay ông Lê Viết Thảo đã nghỉ việc, không xác định được ông Lê Viết Thảo đang sinh sống hay làm việc ở đâu; mặt khác việc chi tiền cho ông Lê Viết Thảo đã được chuyển vào tài khoản của ông Thảo tại ngân hàng nông nghiệp huyện; do đó, việc thu hồi số tiền 1.855.650 đồng đã chi cho ông Lê Viết Thảo là không khả thi, do ông Thảo đã nghỉ việc, không xác định được nơi ở, nơi công tác của ông Thảo.

b) Về chi tiền mua văn phòng phẩm.

Ngày 12/12/2018, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã lập chứng từ chi tiền mua văn phòng phẩm và sửa chữa máy vi tính, số tiền 13.635.000 đồng; trong đó chi mua 16 thùng giấy A4 (80 ram) với số tiền 6.000.000 đồng. Kết quả trong năm 2018, Ban quản lý dự án của xã đã chi tiền mua 23 thùng giấy A4 (115ram), ngoài việc chi phục vụ cho báo cáo quyết toán các công trình đầu tư phát triển, Ban quản lý dự án không chứng minh được việc mua 16 thùng giấy A4 (80 ram) tại phiếu chi ngày 12/12/2018. Chi vượt định mức chi 6.000.000 đồng.

\* **Như vậy**, trong thời kỳ thanh tra, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Phước Tân đã chi không đúng quy định số tiền 11.566.950 đồng. Trong đó: (1) chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm không đúng quy định, số tiền 5.566.950 đồng (*chi không đúng quy định cho ông Lê Viết Thảo, số tiền 1.855.650 đồng; chi không đúng quy định cho ông Võ Đức Trọng, số tiền 3.711.300 đồng*); (2) chi tiền mua văn phòng phẩm (giấy A4) không đúng quy định, số tiền 6.000.000 đồng. Tiền hành thu hồi, nộp ngân sách số tiền 9.711.300 đồng (*chi không đúng quy định cho ông Võ Đức Trọng, số tiền 3.711.300 đồng; chi mua văn phòng phẩm (giấy A4) không đúng quy định, số tiền 6.000.000 đồng*). Không thu hồi số tiền 1.855.650 đồng đã chi sai quy định cho ông Lê Viết Thảo, lý do việc thu hồi tiền không khả thi, do ông Thảo đã nghỉ việc, hiện không xác định được nơi ở, nơi công tác của ông Thảo.

***Trách nhiệm thuộc về ông Pinăng Ngọc, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Tân, bà Trần Thị Hồng Anh, kế toán Ủy ban nhân dân xã Phước Tân.***

#### IV. YÊU CẦU.

Căn cứ kết quả thanh tra, nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách Nhà nước, Chánh Thanh tra huyện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Phước Tân thực hiện một số nội dung sau:



1. Tiếp tục phát huy những mặt đã làm được về công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách trong thời gian qua, như công tác thu thuế, phí, lệ phí; công khai dự toán, quyết toán hàng năm...

2. Tổ chức khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách; chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã thực hiện nghiêm túc việc quản lý, sử dụng tài chính ngân sách, việc chi tiền phải đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; hồ sơ kế toán lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định.

3. Thu hồi và nộp ngân sách số tiền tiền 9.711.300 đồng, do chi không đúng quy định, bao gồm: (1) chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm không đúng quy định cho ông Võ Đức Trọng, số tiền 3.711.300 đồng; (2) chi mua văn phòng phẩm (giấy A4) không đúng quy định, số tiền 6.000.000 đồng).

Ủy ban nhân dân xã Phước Tân có trách nhiệm tổ chức thu hồi lại số tiền 9.711.300 đồng, nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện tại Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Ái.

4. Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân có liên quan do để xảy ra những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Phước Tân.

5. Tổ chức niêm yết kết luận thanh tra này tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã trong ít nhất 15 ngày; công bố tại cuộc họp giao ban đầu tuần của Ủy ban nhân dân xã.

6. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện kết luận này; báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân huyện, Thanh tra huyện, chậm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra này.

7. Giao bộ phận thanh tra hành chính của Thanh tra huyện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra này, báo cáo kết quả với Chánh Thanh tra theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Thanh tra tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- UBND huyện;
- Đảng ủy; HĐND xã Phước Tân;
- UBND xã Phước Tân;
- Lưu: TTH; HS ĐTT.

**CHÁNH THANH TRA**

**Hoàng Văn Tâm**